

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 4 - 2019

“V/v tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Việt Hồng Phụng

2. Ông Lương Văn Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 19/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim L, sinh năm: 1990 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp Tô B, xã Cô T, huyện Tri T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh D, sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 14, ấp Cần T, xã Cần Đ, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (yêu cầu ly hôn), tờ tự khai cùng ngày 24/12/2018, biên bản hòa giải ngày 20/02/2019 và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Kim L trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng kết hôn vào tháng 4 năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2015, quyền số: 01/2015, ngày 27/3/2015. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 06/2017 thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nên vợ, chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2017 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh D.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 20/01/2016. Từ khi vợ, chồng ly thân cho đến nay cháu Q sống với chị. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại tờ tự khai ngày 19/02/2019, biên bản hòa giải ngày 20/02/2019, bị đơn anh Nguyễn Minh D trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị L trình bày, do kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên vợ, chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2017 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau.

Nay trước yêu cầu ly hôn của chị L, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Kim L.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 20/01/2016. Từ khi vợ, chồng ly thân cho đến nay cháu Q sống với chị L. **Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Q cho chị L nuôi dưỡng. Nhưng đến khi cháu Q đủ tuổi đi học thì anh yêu cầu chị L phải giao cháu Q cho anh nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.**

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Minh D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh D vẫn vắng mặt

không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim L và anh Nguyễn Minh D kết hôn vào tháng 4 năm 2015, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2015, quyền số: 01/2015, ngày 27/3/2015, là đúng quy định của pháp luật. Do đó căn cứ vào Điều 9 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh, chị được xem là hôn nhân hợp pháp, khi có phát sinh tranh chấp cần được bảo vệ.

Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 06/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên vợ, chồng đã sốngly thân từ tháng 06/2017 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân vợ, chồng không gặp mặt nhau để hàn gắn lại tình cảm với nhau, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Tại phiên tòa hôm nay chị L kiên một mực kiên quyết xin ly hôn với anh D , cho rằng tình cảm vợ, chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, tại tờ tự khai ngày 19/02/2019 do anh D cung cấp cho Tòa án và biên bản hòa giải ngày 20/02/2019, anh D cũng cho biết tình cảm vợ, chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị L. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh D được ly hôn với anh D là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Anh D và anh D có một con chung là cháu Nguyễn Minh Q , sinh ngày 20/01/2016. Từ khi anh D và anh D ly thân cho đến nay, cháu Quân đều sống với chị L. Sau khi ly hôn anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q. Xét thấy, từ khi anh D và anh D ly thân cho đến nay, cháu Quân đều do anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, cuộc sống của cháu cũng tương đối ổn định, không nên xáo trộn, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu Quân. Do đó, nghĩ nên giao cháu Quân cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Dành quyền tối lui thăm nom con chung cho anh Dương, không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và anh D đều khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 53, 81, 82, 83 và 84 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Minh D.
- Về con chung: Chị Trần Thị Kim L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 20/01/2016. Anh Nguyễn Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền tới lui thăm nom con chung cho anh D, không ai được quyền cản trở khi anh thực hiện quyền này.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2015, ngày 27/3/2015 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh An Giang, không còn giá trị pháp lý.

- Về tài sản và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Trần Thị Kim L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0013930 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Báo cho anh D được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/4/2019). Anh D được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV - THA TAND tỉnh An Giang;
- CCTHA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thám

